

Số: 10/2025/QĐST-VHNGĐ

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÁI NGUYÊN

Căn cứ vào Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân & gia đình;
Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST-VHNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con” giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Trọng T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Thái Nguyên.

- Chị Trần Thị H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường T, tỉnh Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T chị H kết hôn tự nguyện vào ngày 04/7/2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thị xã P (nay là phường P), tỉnh Thái Nguyên và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của anh T, chị H hoà thuận, hạnh phúc cho đến đầu năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm về cách sống, về việc làm ăn kinh tế nên thường xuyên xảy ra cãi vã, to tiếng. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh chị đã ly thân từ khoảng đầu năm 2024 cho đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau nữa. Đến thời điểm này anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của anh T, chị H được ghi nhận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 8 năm 2025 là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Lê Trọng T và chị Trần Thị H xác định quá trình chung sống có 03 con chung là Lê Linh Đ, sinh ngày 12/01/2017; Lê Linh C, sinh ngày 07/5/2019 và Lê Linh S, sinh ngày 29/11/2021. Anh T, chị H thỏa thuận: Giao hai con

lớn là Lê Linh Đ và Lê Linh C cho bố là anh Lê Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động; Giao con nhỏ Lê Linh S cho mẹ là chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Anh T, chị H không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung: Không có.

[4] Về vấn đề khác: Không có.

[5] Về lệ phí: Anh Lê Trọng T và chị Trần Thị H thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành mà không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Trọng T và chị Trần Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đều thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Lê Trọng T và chị Trần Thị H xác định quá trình chung sống anh chị có 03 con chung là Lê Linh Đ, sinh ngày 12/01/2017; Lê Linh C, sinh ngày 07/5/2019 và Lê Linh S, sinh ngày 29/11/2021. Anh chị thỏa thuận:

Giao con chung Lê Linh Đ và Lê Linh C cho anh Lê Trọng T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Giao con chung Lê Linh S cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lê Trọng T và chị Trần Thị H cho đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật do không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung, nợ chung, khoản cho vay chung:* Không có.

- *Về vấn đề khác:* Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Trọng T và chị Trần Thị H thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số **0000246** ngày 17/7/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 2 – Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND - UBND phường Đắc Sơn (nay là phường Phổ Yên);
(ĐKKH số 39/2016 ngày 04/7/2016);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Dung